



# **HAGL Group**



## **Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Quý III năm 2018

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 53

303  
CÔNG  
CƠ  
HOÀNG  
ANH  
GI  
LEIK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>7.460.985.331</b>	<b>8.815.052.625</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>847.689.600</b>	<b>141.473.491</b>
111	1. Tiền	4	847.689.600	141.473.491
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>5.074.038.979</b>	<b>7.481.808.506</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.247.406.579	2.166.131.406
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	239.120.236	611.144.225
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	963.830.133	3.969.777.546
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	652.624.662	756.477.238
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(28.942.631)	(21.721.909)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>1.472.692.539</b>	<b>1.118.852.515</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.485.216.889	1.126.498.195
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.524.350)	(7.645.680)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>66.564.213</b>	<b>72.918.113</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		26.157.939	31.853.662
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		31.962.974	35.050.293
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		8.443.300	6.014.158
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>40.896.374.025</b>	<b>44.247.075.031</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>6.651.912.103</b>	<b>8.887.895.570</b>
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		-	477.204
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	7	6.489.522.956	7.951.978.808
216	3. Phải thu dài hạn khác	8	162.389.147	935.439.558
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>10.552.075.665</b>	<b>9.921.066.056</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	10.488.769.005	8.590.084.812
222	Nguyên giá		12.279.523.107	10.017.277.001
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.790.754.102)	(1.427.192.189)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	63.306.660	1.330.981.244
228	Nguyên giá		115.343.472	1.422.035.740
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(52.036.812)	(91.054.496)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>37.414.662</b>	<b>3.210.064.249</b>
231	1. Nguyên giá		42.073.202	3.398.052.191
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(4.658.540)	(187.987.942)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>16.463.927.849</b>	<b>17.750.120.892</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	16.463.927.849	17.750.120.892
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>2.764.170.591</b>	<b>857.860.420</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	2.755.640.550	847.332.517
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15	8.530.041	10.507.903
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	20.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.426.873.155</b>	<b>3.620.067.844</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	1.011.816.005	976.304.493
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.2	91.860.673	105.125.055
269	3. Lợi thế thương mại		3.323.196.477	2.538.638.296
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>48.357.359.356</b>	<b>53.062.127.656</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Vào ngày 30 tháng 9 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>31.335.493.182</b>	<b>35.274.154.978</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>12.611.823.044</b>	<b>12.246.677.269</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	445.064.045	970.327.536
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	2.487.133.952	3.164.145.656
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	101.328.225	198.214.334
314	4. Phải trả người lao động		85.433.867	83.448.891
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	2.073.618.804	1.628.490.451
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	314.124.586
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	1.628.609.301	3.358.503.373
320	8. Vay ngắn hạn	22	5.790.088.262	2.528.863.856
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		546.588	558.586
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>18.723.670.138</b>	<b>23.027.477.709</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	20	1.851.415.432	1.319.177.615
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	131.669.002
337	3. Phải trả dài hạn khác	21	1.258.259.943	937.538.732
338	4. Vay dài hạn	22	15.269.492.080	20.296.209.849
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.2	338.755.817	336.941.517
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		5.746.866	5.940.994
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>23</b>	<b>17.021.866.174</b>	<b>17.787.972.678</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>17.021.866.174</b>	<b>17.787.972.678</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.263.858.784	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		329.563.617	453.812.960
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		280.644.763	279.895.303
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		155.124.173	702.809.115
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(213.506.157)	633.221.103
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		368.630.330	69.588.012
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		3.718.682.007	3.813.603.686
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>48.357.359.356</b>	<b>53.062.127.656</b>

Nguyễn Văn Tiên  
 Người lập

Lê Trương Y Trâm  
 Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn  
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2018



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý III năm 2018

B02a-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.520.609.191	1.258.977.032	4.435.374.597	3.735.517.205
11	2. Giá vốn hàng bán	25	(658.396.633)	(824.810.824)	(2.144.869.489)	(2.473.892.196)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		862.212.558	434.166.208	2.290.505.108	1.261.625.009
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	740.394.810	294.502.164	1.176.589.135	1.465.521.218
22	5. Chi phí tài chính	26	(442.665.687)	(331.354.542)	(1.366.359.458)	(1.110.776.583)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(407.529.415)	(325.774.254)	(1.212.829.204)	(1.064.740.945)
24	6. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết		50.714.031	5.075.089	38.174.761	5.699.207
25	7. Chi phí bán hàng	27	(50.524.467)	(32.694.527)	(144.907.507)	(95.744.708)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(212.467.198)	(175.506.569)	(702.948.459)	(491.931.107)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		947.664.047	194.187.823	1.291.053.580	1.034.393.036
31	10. Thu nhập khác	28	7.310.593	125.750.907	13.977.568	214.271.374
32	11. Chi phí khác	28	(562.542.451)	(132.427.646)	(785.260.597)	(202.815.874)
40	12. (Lỗ) lợi nhuận khác	28	(555.231.858)	(6.676.739)	(771.283.029)	11.455.500

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		392.432.189	187.511.084	519.770.551	1.045.848.536
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(6.531.690)	69.897	(2.413.335)	(39.952.796)
52	15. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.2	(8.258.728)	(14.546.930)	(39.490.456)	23.231.195
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		377.641.771	173.034.051	477.866.760	1.029.126.935
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		403.177.008	120.199.454	368.630.330	687.411.600
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(25.535.237)	52.834.597	109.236.430	341.715.335
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)		435	130	397	741
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)		435	130	397	741



Nguyễn Văn Tiên  
 Người lập

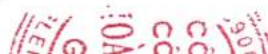
Ngày 30 tháng 10 năm 2018



Lê Trương Ý Trâm  
 Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn  
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý III năm 2018

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>519.770.551</b>	<b>1.045.848.536</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	10,11, 12	708.575.293	695.348.744
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		12.099.392	(171.586.542)
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		94.893.076	(53.835.429)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(914.039.298)	(1.465.344.338)
06	Chi phí lãi vay	26	1.212.829.204	1.064.740.945
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.634.128.218</b>	<b>1.115.171.916</b>
09	Giảm các khoản phải thu		2.127.590.206	369.202.929
10	Tăng hàng tồn kho		(252.027.321)	(151.046.192)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(3.418.690.483)	708.338.174
12	Tăng chi phí trả trước		(185.097.744)	(317.299.992)
14	Tiền lãi vay đã trả		(684.525.170)	(828.145.883)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29.1	(28.331.582)	(2.535.530)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.169.998)	(3.739.732)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(808.123.874)</b>	<b>889.945.690</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(2.877.028.416)	(2.331.040.701)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		226.566.609	454.507.275
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(2.496.775.153)	(4.724.218.159)
24	Tiền thu hồi cho vay		2.945.897.594	2.919.224.603
25	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		75.550.000	1.517.120.585
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		765.794.798	993.045.549
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.359.994.568)</b>	<b>(1.171.360.848)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	2.450.000
32	Tiền thu từ đi vay		5.277.577.227	2.312.814.580
33	Tiền trả nợ gốc vay		(2.403.242.676)	(2.608.273.033)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>2.874.334.551</b>	<b>(293.008.453)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>706.216.109</b>	<b>(574.423.611)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>	<b>4</b>	<b>141.473.491</b>	<b>794.326.175</b>
<b>70</b>	<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>847.689.600</b>	<b>219.902.564</b>



Nguyễn Văn Tiên  
 Người lập

Ngày 30 tháng 10 năm 2018



Lê Trương Y Trâm  
 Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn  
 Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý III năm 2018

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 9 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và ba mươi (30) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ ba mươi (30) vào ngày 30 tháng 3 năm 2018 thay đổi thông tin cá nhân của Tổng giám đốc.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, hai mươi chín (29) công ty con gián tiếp và ba (3) công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh số 14.2 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 30 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu và các loại cây ăn trái; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn Đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**2.3 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý III năm 2018 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND").

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con được lập cho Quý III năm 2018.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát. Trong trường hợp tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát công ty con nhưng công ty con đang trong quá trình chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn vẫn hợp nhất báo cáo tài chính vào ngày mất quyền kiểm soát và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của công ty con này vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán như một nghiệp vụ vốn.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |   |
|---|---|---|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa | - | Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang   | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường |

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

*Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Phụ phẩm - phế phẩm*

Tập đoàn đang theo dõi các mặt hàng phụ phẩm, phế phẩm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp về mặt số lượng, với giá trị ghi sổ bằng không tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 10 năm
Vật nuôi	6 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
Phần mềm máy vi tính	5 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

*Vườn cây cao su và tiêu*

Ban giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su và tiêu lần lượt là 7 năm và 3 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây cao su và vườn tiêu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

*Vườn cây thanh long*

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây thanh long là 8 đến 9 tháng tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây thanh long đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

*Vườn cây xoài*

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây xoài 2 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Nhóm Công ty bắt đầu chuyển vườn cây xoài đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

*Vườn cọ dầu*

Căn cứ theo Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá vườn cây cọ dầu của Tập đoàn được thực hiện bởi Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào tháng 8 năm 2017, Ban giám đốc Công ty đã quyết định thời gian kiến thiết cơ bản của vườn cây cọ dầu là 6 năm, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các vườn cây cọ dầu của Tập đoàn tại Campuchia và Lào. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây cọ dầu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

*Khấu hao các vườn cây*

Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Khấu hao đối với vườn cây thanh long, tiêu và xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 và Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây thanh long, tiêu và xoài theo chu kỳ khai thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)**

*Khấu hao các vườn cây (tiếp theo)*

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Vườn cây cao su	Vườn cây thanh long	Tỷ lệ khấu hao (%)	
			Vườn tiêu	Vườn cây xoài
Năm thứ 1	2,50	1,00	4,60	0,30
Năm thứ 2	2,80	3,40	8,50	1,00
Năm thứ 3	3,50	5,00	8,50	2,20
Năm thứ 4	4,40	6,70	8,50	4,30
Năm thứ 5	4,80	8,40	8,50	5,80
Năm thứ 6	5,40	8,40	8,50	5,80
Năm thứ 7	5,40	8,40	6,20	5,80
Năm thứ 8	5,10	8,40	6,20	5,80
Năm thứ 9	5,10	8,40	6,20	5,80
Năm thứ 10	5,00	8,40	3,80	5,80
Năm thứ 11	7,00	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 12	6,60	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 13	6,20	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 14	5,90	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 15	5,50	Giá trị còn lại	3,80	5,80
Năm thứ 16	5,40		3,80	5,80
Năm thứ 17	5,00		3,80	5,80
Năm thứ 18	5,50		Giá trị còn lại	5,80
Năm thứ 19	5,20			5,80
Năm thứ 20	Giá trị còn lại			Giá trị còn lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 - 30 năm
Trung tâm thương mại	50 năm
Văn phòng cho thuê	50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây và công trình thủy điện của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Vườn cây*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu và vườn cây ăn trái như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

*Dự án bờ*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bờ như giá trị bờ giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

*Công trình thủy điện*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí đền bù đất, khai hoang, xây dựng đập, đường truyền dẫn và chi phí liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo qui định của Thông tư 200/2014/TT-BCT.

**3.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

**3.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển, vườn bắp, vườn cây ăn trái, chi phí khai hoang và trồng cỏ, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- ▶ Chi phí phát triển cây ăn trái, vườn cây khác, chi phí khai hoang và trồng cỏ bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Chi phí trả trước (tiếp theo)**

- ▶ Chi phí phát triển cầu thủ bao gồm các chi phí liên quan đến việc đào tạo và phát triển các cầu thủ thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG ("HAGL-JMG"). Chi phí phát triển cầu thủ được phân bổ trong vòng từ bảy (07) đến mười (10) năm căn cứ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết giữa HAGL-JMG với các cầu thủ.

**3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hằng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý vào ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận gộp trong giá trị khoản đầu tư và không thực hiện phân bổ khoản lợi thế thương mại này cho đến khi công ty liên kết trở thành công ty con. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư vào đơn vị khác*

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 9 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu**

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có) và điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán bình quân của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.19 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ *Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**3.20 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

*Doanh thu bán căn hộ*

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.20 Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)

*Doanh thu từ hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản mang lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

*Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư*

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thoả thuận hợp đồng.

**3.21 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.21 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.22 Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.22 Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)**

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

**3.23 Dự phòng**

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.24 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Tiền gửi ngân hàng	836.623.368	124.278.417
Tiền mặt tại quỹ	11.066.232	17.195.074
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>847.689.600</b>	<b>141.473.491</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.958.981.055	1.145.033.158
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	763.497.922	737.569.190
Phải thu tiền thanh lý khoản đầu tư	516.200.000	-
Phải thu tiền bán căn hộ	8.727.602	16.183.862
Phải thu tiền bán TSCĐ và bất động sản đầu tư	-	119.692.581
Phải thu tiền chuyển nhượng dự án	-	147.652.615
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.247.406.579</b>	<b>2.166.131.406</b>

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 222.357.445 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (*Thuyết minh số 30*).

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	181.829.514	535.943.781
Trả trước cho nhà thầu các công trình xây dựng và mua máy móc, thiết bị	54.303.016	71.917.466
Trả trước cho người bán khác	2.987.706	3.282.978
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>239.120.236</b>	<b>611.144.225</b>

Trả trước người bán bao gồm các khoản trả trước cho các bên liên quan là 17.007.262 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (*Thuyết minh số 30*).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<i>Ngàn VND</i>		
<b>Ngắn hạn</b>		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 30) (i)	841.219.464	3.754.961.320
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	122.610.669	214.816.226
	<b>963.830.133</b>	<b>3.969.777.546</b>
<b>Dài hạn</b>		
Cho vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 30) (i)	6.303.502.395	7.512.960.946
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	138.961.604	169.589.065
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	47.058.957	269.428.797
	<b>6.489.522.956</b>	<b>7.951.978.808</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.453.353.089</b>	<b>11.921.756.354</b>

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan có thời hạn hoàn trả từ năm 2018 đến năm 2022 và lãi suất trung bình từ 10,00% đến 13,00%/năm.
- (ii) Cho vay dài hạn và ngắn hạn các bên khác thể hiện khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ năm 2018 đến năm 2023 với lãi suất trung bình từ 10,00% đến 13,00%/năm.
- (iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cần trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai. Chi tiết như sau:

	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Số đầu kỳ (USD)	7.482.421	7.482.421
Số cuối kỳ (USD)	5.966.578	7.482.421
Số cuối kỳ (Ngàn VND)	138.961.604	169.589.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>		
Lãi cho vay các tổ chức và cá nhân	299.211.467	496.345.797
Cho mượn các công ty	228.109.134	51.053.406
Phải thu nhân viên	90.999.603	96.402.593
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.500.000	42.532.151
Các khoản khác	32.804.458	70.143.291
	<b>652.624.662</b>	<b>756.477.238</b>
<b>Dài hạn</b>		
Lãi cho vay các tổ chức và cá nhân	148.947.834	548.843.689
Ký quỹ, ký cược dài hạn	12.096.360	12.838.699
Cho mượn các công ty	1.344.953	248.004.789
Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC")	-	125.750.981
Phải thu dài hạn khác	-	1.400
	<b>162.389.147</b>	<b>935.439.558</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>815.013.809</b>	<b>1.691.916.796</b>

Phải thu khác bao gồm các khoản phải thu ngắn hạn các bên liên quan là 512.052.323 ngàn VND và các khoản phải thu dài hạn các bên liên quan là 149.257.335 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (Thuyết minh số 30).

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.104.427.775	837.389.494
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	603.994.544	610.961.724
<i>Sản xuất</i>	406.038.253	111.137.954
<i>Chi phí nuôi bò</i>	93.752.399	111.197.997
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	642.579	4.091.819
Nguyên vật liệu	167.189.676	134.446.820
Thành phẩm	88.688.932	15.814.079
Hàng hóa	57.034.572	40.553.412
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	44.722.689	76.898.171
Công cụ, dụng cụ	15.262.842	7.955.419
Vật liệu xây dựng	7.796.000	13.440.800
Hàng gửi đi bán	94.403	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.485.216.889</b>	<b>1.126.498.195</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.524.350)	(7.645.680)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.472.692.539</b>	<b>1.118.852.515</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

							<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vật nuôi và cây trồng lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>	
<b>Nguyên giá</b>								
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.675.785.086	565.879.747	2.207.365.851	11.010.445	4.504.508.861	52.727.011	10.017.277.001	
Mua sắm mới	19.733.426	29.455.752	22.836.523	18.681.265	-	963.467	91.670.433	
Mua mới công ty con	429.263.684	5.093.877	98.314.179	-	-	-	532.671.740	
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	67.048.889	468.774	30.888.473	115.066	2.964.929.905	2.289.712	3.065.740.819	
Thanh lý	(35.670.386)	(5.688.785)	(2.602.162)	(73.000)	(184.630.148)	-	(228.664.481)	
Thanh lý công ty con	(1.080.198.524)	(24.083.506)	(33.015.942)	(21.381.331)	-	(2.272.710)	(1.160.952.013)	
Chênh lệch tỷ giá	14.399.165	(1.572.535)	(6.621.935)	56.197	(44.323.458)	(157.826)	(38.220.392)	
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2018	2.090.361.340	569.553.324	2.317.164.987	8.408.642	7.240.485.160	53.549.654	12.279.523.107	
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>								
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017	(368.936.854)	(262.077.872)	(428.992.933)	(8.019.623)	(332.378.859)	(26.786.048)	(1.427.192.189)	
Khấu hao trong kỳ	(111.970.571)	(51.972.667)	(145.698.137)	(2.220.585)	(172.123.188)	(4.644.526)	(488.629.674)	
Mua mới công ty con	(17.345.908)	(1.887.099)	(22.359.270)	-	-	-	(41.592.277)	
Chênh lệch tỷ giá	(12.469.624)	-	-	(35.430)	-	-	(12.505.054)	
Thanh lý	7.597.788	2.416.190	558.241	(848.653)	69.837.278	-	79.560.844	
Thanh lý công ty con	45.674.167	11.541.909	16.306.552	4.384.166	-	1.043.946	78.950.740	
Chênh lệch tỷ giá	-	887.423	16.297.451	-	3.344.214	124.420	20.653.508	
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2018	(457.451.002)	(301.092.116)	(563.888.096)	(6.740.125)	(431.320.555)	(30.262.208)	(1.790.754.102)	
<b>Giá trị còn lại</b>								
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.306.848.232	303.801.875	1.778.372.918	2.990.822	4.172.130.002	25.940.963	8.590.084.812	
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2018	1.632.910.338	268.461.208	1.753.276.891	1.668.517	6.809.164.605	23.287.446	10.488.769.005	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.287.750.559	134.285.181	1.422.035.740
Chênh lệch tỷ giá	33.187.503	-	33.187.503
Thanh lý công ty con	<u>(1.288.564.388)</u>	<u>(51.315.383)</u>	<u>(1.339.879.771)</u>
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2018	<u>32.373.674</u>	<u>82.969.798</u>	<u>115.343.472</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017	(22.629.123)	(68.425.373)	(91.054.496)
Hao mòn trong kỳ	(8.081.586)	(11.693.584)	(19.775.170)
Chênh lệch tỷ giá	(565.664)	-	(565.664)
Thanh lý công ty con	<u>29.945.177</u>	<u>29.413.341</u>	<u>59.358.518</u>
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2018	<u>(1.331.196)</u>	<u>(50.705.616)</u>	<u>(52.036.812)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>1.265.121.436</u>	<u>65.859.808</u>	<u>1.330.981.244</u>
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2018	<u>31.042.478</u>	<u>32.264.182</u>	<u>63.306.660</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

					Ngàn VND
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Văn phòng cho thuê</i>	<i>Trung tâm thương mại</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	17.558.404	27.072.022	2.222.825.169	1.130.596.596	3.398.052.191
Thanh lý công ty con	(2.557.224)	-	(2.281.178.618)	(1.160.276.939)	(3.444.012.781)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	58.353.449	29.680.343	88.033.792
Ngày 30 tháng 9 năm 2018	<u>15.001.180</u>	<u>27.072.022</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>42.073.202</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	(3.066.599)	(1.478.788)	(111.639.628)	(71.802.927)	(187.987.942)
Khấu hao trong kỳ	(443.295)	(554.546)	(36.170.400)	(24.289.186)	(61.457.427)
Thanh lý công ty con	884.688	-	150.740.777	97.977.078	249.602.543
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(2.930.749)	(1.884.965)	(4.815.714)
Ngày 30 tháng 9 năm 2018	<u>(2.625.206)</u>	<u>(2.033.334)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(4.658.540)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>14.491.805</u>	<u>25.593.234</u>	<u>2.111.185.541</u>	<u>1.058.793.669</u>	<u>3.210.064.249</u>
Ngày 30 tháng 9 năm 2018	<u>12.375.974</u>	<u>25.038.688</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>37.414.662</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí phát triển vườn cây cao su	5.993.617.950	7.960.502.432
Chi phí phát triển vườn cây cọ dầu	3.407.873.811	3.348.265.882
Nhà máy thủy điện	3.343.713.075	3.385.682.060
Chi phí phát triển vườn cây ăn trái	2.844.547.042	1.703.067.342
Nhà xưởng và nhà văn phòng nông trường	589.775.892	687.226.986
Vườn cây hồ tiêu	72.659.176	114.959.517
Học viện bóng đá HAGL-JMG	62.839.843	53.432.133
Chi phí xây dựng chuồng bò	5.688.748	6.617.792
Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	-	351.086.244
Các công trình khác	143.212.312	139.280.504
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.463.927.849</b>	<b>17.750.120.892</b>

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT**

**14.1. Đầu tư vào các công ty con**

Chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>Thủy điện</b>				
(1) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	5/6/2007	99,40
(2) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	18/7/2011	99,40
(3) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Attapeu, Lào	Trước hoạt động	31/5/2013	99,40
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Sài Gòn	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	7/2/2018	99,00
<b>Nông nghiệp</b>				
(5) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/5/2010	63,33
(6) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	5/2/2013	63,33
(7) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	1/2/2007	61,92
(8) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/1/2007	61,92
(9) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/9/2007	63,03
(10) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	22/5/2008	63,33

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

**14.1. Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)**

Chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau (tiếp theo):

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>Nông nghiệp (tiếp theo)</b>				
(11) Công ty TNHH Hoàng Anh An Dong Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	17/2/2011	61,92
(12) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	16/7/2010	63,33
(13) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	25/1/2010	63,33
(14) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	15/12/2010	63,33
(15) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	18/11/2009	63,33
(16) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/4/2015	62,70
(17) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	15/10/2015	63,33
(18) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	15/10/2015	63,33
(19) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	14/10/2015	63,27
(20) Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	14/10/2015	63,27
(21) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	22/2/2016	63,33
(22) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Ấu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	22/2/2016	63,33
(23) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	22/2/2016	63,33
(24) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	22/2/2016	63,33
(25) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	22/2/2016	63,33
(26) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	9/12/2016	63,28
<b>Khai khoáng</b>				
(27) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	8/12/2007	99,40
(28) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	9/2/2010	99,40
(29) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	15/10/2009	99,40

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

**14.1. Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)**

Chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau (tiếp theo):

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Ngày thành lập/ ngày mua</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
<b>Xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</b>				
(30) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/1/2009	69,85
(31) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	7/5/2008	99,00
(32) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	6/1/2009	80,00
(33) Công ty TNHH V&H Corporation	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	27/3/2009	100,00
(34) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	6/5/2010	100,00
(35) Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	31/1/2018	98,00
(36) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Sê Kông, Lào	Đang hoạt động	31/1/2018	98,00

Tình trạng trước hoạt động là công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 9 năm 2018.

Vào ngày 31 tháng 1 năm 2018, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo, trước đó là công ty con, cho một bên thứ ba. Theo đó, Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo không còn là công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này.

Vào ngày 12 tháng 9 năm 2018, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN") đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 125.000.000 cổ phiếu với giá phát hành là 13.414,63 VND/cổ phiếu (mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu) cho một bên thứ ba. Theo đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty tại HAN từ 68,9% xuống còn 47,89% và HAN không còn là công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

**14.2. Đầu tư vào các công ty liên kết**

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 9 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	271.111.171	49,14	265.778.583
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế điện	25,00	7.609.521	25,00	7.609.521
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh (*)	Bất động sản	47,89	2.476.919.858	-	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (**)	Chăn nuôi	-	-	23,46	573.944.413
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.755.640.550</b>		<b>847.332.517</b>

Theo tỷ lệ sở hữu của công ty con trong Tập đoàn trực tiếp đầu tư vào các công ty này.

(\*) Là công ty liên kết kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2018

(\*\*) Vào ngày 20 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, Công ty con trong Tập đoàn, đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tương ứng với 23,46 % tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai cho một bên thứ ba. Theo đó, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai không còn là công ty liên kết trong Tập đoàn kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên	6.200.000	6.200.000
Các khoản đầu tư khác	2.330.041	4.307.903
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.530.041</b>	<b>10.507.903</b>

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí phát triển vườn cây ăn trái	601.967.918	338.141.701
Tiền thuê đất	237.402.434	77.325.774
Chi phí khai hoang	77.329.415	119.745.845
Chi phí đào tạo học viện bóng đá HAGL-JMG	31.247.004	36.580.897
Công cụ, dụng cụ	25.478.738	344.767.769
Chi phí thuê văn phòng	5.252.035	24.595.489
Chi phí trả trước dài hạn khác	33.138.461	35.147.018
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.011.816.005</b>	<b>976.304.493</b>

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	441.432.625	581.265.959
Phải trả nhà thầu xây dựng	2.850.345	386.759.864
Phải trả tiền mua máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	781.075	812.872
Các khoản khác	-	1.488.841
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>445.064.045</b>	<b>970.327.536</b>

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 62.406.860 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (Thuyết minh số 30).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Khách hàng ứng trước mua dự án thủy điện	2.247.234.775	1.937.491.633
Khách hàng thương mại trả tiền trước	199.987.723	401.485.954
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	31.630.719	194.864.544
Tiền thanh toán của khách hàng mua căn hộ	8.280.735	630.303.525
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.487.133.952</b>	<b>3.164.145.656</b>

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 31.630.718 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (Thuyết minh số 30).

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29.1)	56.328.083	84.361.805
Thuế thu nhập cá nhân	10.947.319	11.625.323
Thuế giá trị gia tăng	9.075.595	35.251.988
Các khoản khác	24.977.228	66.975.218
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>101.328.225</b>	<b>198.214.334</b>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Trình bày lại)
Chi phí lãi vay	2.847.301.035	2.133.992.109
Trong đó:		
Chi phí lãi vay ngân hàng, trái phiếu	2.829.792.128	2.063.358.161
Chi phí lãi vay tổ chức, cá nhân khác	17.508.907	70.633.948
Chi phí hoạt động	1.034.318.541	770.261.297
Chi phí phát hành trái phiếu	43.414.660	43.414.660
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.925.034.236</b>	<b>2.947.668.066</b>
Trong đó:		
Ngắn hạn	2.073.618.804	1.628.490.451
Dài hạn	1.851.415.432	1.319.177.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Trình bày lại)
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả các công ty khác	869.987.957	1.669.979.606
Phải các cá nhân khác	592.235.798	109.720.058
Phải trả tiền thuê đất	102.231.918	133.957.484
Phí bảo trì căn hộ	10.705.710	24.585.898
Hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	1.282.500.000
Các khoản khác	53.447.918	137.760.327
	<b>1.628.609.301</b>	<b>3.358.503.373</b>
<b>Dài hạn</b>		
Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC")	1.135.000.000	550.000.000
Tiền thuê đất phải trả	89.607.179	135.669.657
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	-	235.056.332
Phải trả dài hạn các công ty	33.652.764	16.812.743
	<b>1.258.259.943</b>	<b>937.538.732</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.886.869.244</b>	<b>4.296.042.105</b>

Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả ngắn hạn các bên liên quan là 971.165.754 ngàn VND và các khoản phải trả dài hạn các bên liên quan là 1.149.870.121 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (*Thuyết minh số 30*).

**22. VAY**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>		
Trái phiếu chuyển đổi cổ phần HNG	2.216.753.042	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả ( <i>Thuyết minh 22.3</i> )	1.928.598.737	579.091.848
Vay ngắn hạn ngân hàng ( <i>Thuyết minh 22.1</i> )	956.190.562	728.781.281
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả ( <i>Thuyết minh 22.2</i> )	607.491.596	401.099.073
Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân	76.054.325	819.891.654
Vay dài hạn tổ chức, cá nhân đến hạn trả	5.000.000	-
	<b>5.790.088.262</b>	<b>2.528.863.856</b>
<b>Dài hạn</b>		
Trái phiếu thường trong nước ( <i>Thuyết minh 22.2</i> )	10.434.456.699	10.965.896.345
Vay dài hạn ngân hàng ( <i>Thuyết minh 22.3</i> )	4.835.035.381	9.308.802.300
Vay dài hạn khác	-	21.511.204
	<b>15.269.492.080</b>	<b>20.296.209.849</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.059.580.342</b>	<b>22.825.073.705</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
		Ngàn VND
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	543.988.605	321.597.754
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt	274.813.706	119.898.087
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	83.374.410	80.737.650
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	54.013.841	171.945.940
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Campuchia	-	34.601.850
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>956.190.562</u></b>	<b><u>728.781.281</u></b>

22.2 Trái phiếu thường trong nước

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Số tiền Ngàn VND	Ngày đáo hạn
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngày 31 tháng 3 năm 2017	5.876.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2026
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital	Ngày 17 tháng 11 năm 2015	1.694.000.000	Từ ngày 17 tháng 12 năm 2017 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 28 tháng 11 năm 2014	991.000.000	Ngày 28 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	Ngày 29 tháng 12 năm 2016	930.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT và ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 27 tháng 8 năm 2015	594.000.000	Từ ngày 27 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB và VPB	Ngày 27 tháng 12 năm 2016	551.751.087	Ngày 27 tháng 12 năm 2020
Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Ngày 25 tháng 4 năm 2012	480.000.000	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đến ngày 18 tháng 9 năm 2023
Chi phí phát hành trái phiếu		<u>(74.802.792)</u>	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>11.041.948.295</u></b>	
Trong đó:			
Trái phiếu dài hạn		10.434.456.699	
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm		607.491.596	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

22. VAY (tiếp theo)

22.3 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.931.707.233	2.950.770.245
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	1.429.561.540	1.401.510.119
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt - Chi nhánh Attapeu	1.383.767.849	1.420.718.793
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.018.597.496	2.924.753.645
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	1.190.141.346
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.763.634.118</b>	<b>9.887.894.148</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	4.835.035.381	9.308.802.300
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả     trong vòng 1 năm</i>	1.928.598.737	579.091.848



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

## 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 23.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngân VND						
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>9 tháng năm 2017</b>							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	623.942.651	279.895.303	915.758.015	13.257.667.583
Phát hành cổ phiếu	1.375.000.000	(275.220.000)	-	-	-	-	1.099.780.000
Các giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(300.242.327)	(300.242.327)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	687.411.600	687.411.600
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(440.273.155)	-	-	(440.273.155)
<b>Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2017</b>	<b>9.274.679.470</b>	<b>3.263.858.784</b>	<b>(686.640)</b>	<b>183.669.496</b>	<b>279.895.303</b>	<b>1.302.927.288</b>	<b>14.304.343.701</b>
<b>9 tháng năm 2018</b>							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	453.812.960	279.895.303	702.809.115	13.974.368.992
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	368.630.330	368.630.330
Chi thù lao HĐQT và ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.158.000)	(1.158.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(124.249.343)	-	-	(124.249.343)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	749.460	(749.460)	-
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(914.407.812)	(914.407.812)
<b>Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2018</b>	<b>9.274.679.470</b>	<b>3.263.858.784</b>	<b>(686.640)</b>	<b>329.563.617</b>	<b>280.644.763</b>	<b>155.124.173</b>	<b>13.303.184.167</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**23.2 Cổ phiếu**

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	927.467.947	927.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	927.399.283

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Ngàn VND			
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.520.609.191</b>	<b>1.258.977.032</b>	<b>4.435.374.597</b>	<b>3.735.517.205</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu trái cây</i>	924.020.755	451.873.655	2.343.227.377	1.257.880.381
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa,   phụ phẩm</i>	217.340.000	69.353.082	490.331.393	320.369.210
<i>Doanh thu từ dịch vụ cho thuê</i>	133.343.276	207.193.591	528.456.415	534.947.769
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ khác</i>	96.110.082	117.058.425	366.129.957	455.163.360
<i>Doanh thu bán mũ cao su</i>	68.845.339	189.350.643	123.673.149	401.849.630
<i>Doanh thu bán bò</i>	41.126.051	211.101.115	78.823.704	659.241.804
<i>Doanh thu bất động sản</i>	37.750.913	13.046.521	50.862.665	25.300.809
<i>Doanh thu bán ớt</i>	2.072.775	-	453.869.937	-
<i>Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường</i>	-	-	-	80.764.242

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	Ngàn VND			
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư (*)	516.060.237	-	563.629.007	808.677.293
Lãi cho vay các công ty khác	186.304.896	201.670.026	559.986.121	561.835.978
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	26.733.793	90.827.836	40.092.611	90.827.835
Cổ tức	10.457.822	-	10.457.822	224.964
Lãi tiền gửi ngân hàng	838.062	2.004.302	2.245.524	3.955.148
Các khoản khác	-	-	178.050	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>740.394.810</b>	<b>294.502.164</b>	<b>1.176.589.135</b>	<b>1.465.521.218</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**24. DOANH THU** (tiếp theo)

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính** (tiếp theo)

(\*) Vào ngày 11 tháng 5 năm 2016 Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN") đã hoàn tất phát hành riêng lẻ 56.000.000 cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải. Việc phát hành này đã làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HAN từ 85,75% xuống còn 68,90% và ghi nhận thêm 426.403.427 ngàn VND vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Vào ngày 12 tháng 9 năm 2018, HAN đã hoàn tất phát hành thêm 125.000.000 cổ phiếu cho một bên thứ ba. Việc phát hành này làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HAN từ 68,90% xuống còn 47,89% và HAN trở thành Công ty liên kết kể từ ngày này. Theo hướng dẫn của Thông tư 202/2014/TT-BTC thì phần lãi đã được ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ được kết chuyển sang Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Theo đó, số tiền lãi là 426.403.247 ngàn VND đã được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ kỳ này.

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Ngàn VND			
	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Giá vốn trái cây	365.371.825	255.067.942	940.943.261	640.410.622
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa, phụ phẩm	66.725.787	88.869.961	135.375.470	257.547.016
Giá vốn dịch vụ cho thuê	50.495.542	79.811.863	221.786.767	217.381.185
Giá vốn dịch vụ cung cấp khác	76.102.788	127.551.871	314.308.416	371.698.921
Giá vốn bán mũ cao su	75.833.763	166.183.463	136.427.608	333.709.697
Giá vốn bán bò	4.305.676	95.157.999	61.668.210	508.668.294
Giá vốn bất động sản	17.310.275	12.167.725	32.383.882	23.356.599
Giá vốn bán ớt	2.250.977	-	301.975.875	-
Giá vốn từ các sản phẩm ngành đường	-	-	-	121.119.862
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>658.396.633</b>	<b>824.810.824</b>	<b>2.144.869.489</b>	<b>2.473.892.196</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Chi phí lãi vay ngân hàng và trái phiếu	407.529.415	325.774.254	1.212.829.204	1.064.740.945
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.047.610	4.206.521	127.190.326	18.700.466
Các khoản khác	8.088.662	1.373.767	26.339.928	27.335.172
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>442.665.687</b>	<b>331.354.542</b>	<b>1.366.359.458</b>	<b>1.110.776.583</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>50.524.467</b>	<b>32.694.527</b>	<b>144.907.507</b>	<b>95.744.708</b>
Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài	40.382.430	23.966.810	114.279.310	65.402.619
Chi phí lương nhân viên	4.668.928	6.918.939	18.694.665	17.958.311
Chi phí khấu hao và hao mòn	158.688	496.545	1.597.926	1.384.639
Chi phí khác	5.314.421	1.312.233	10.335.606	10.999.139
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>212.467.198</b>	<b>175.506.569</b>	<b>702.948.459</b>	<b>491.931.107</b>
Phân bổ lợi thế thương mại	102.049.628	79.899.510	229.348.812	239.698.530
Chi phí lương nhân viên	37.028.788	40.663.754	112.290.782	120.349.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.585.543	11.564.199	36.253.593	41.981.221
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.863.502	9.613.388	26.178.417	26.251.184
Chi phí dự phòng	(1.734.890)	-	10.608.414	-
Chi phí khác	54.674.627	33.765.718	288.268.441	63.650.761
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>262.991.665</b>	<b>208.201.096</b>	<b>847.855.966</b>	<b>587.675.815</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>7.310.593</b>	<b>125.750.907</b>	<b>13.977.568</b>	<b>214.271.374</b>
Lãi thanh lý tài sản	-	21.974.795	-	102.951.749
Các khoản khác	7.310.593	103.776.112	13.977.568	111.319.625
<b>Chi phí khác</b>	<b>562.542.451</b>	<b>132.427.646</b>	<b>785.260.597</b>	<b>202.815.874</b>
Lỗ thanh lý TSCĐ	20.605.324	-	42.229.609	-
Khấu hao tài sản cố định ngừng sử dụng	7.781.088	4.987.839	13.315.523	10.897.370
Các khoản phạt	3.630.600	3.243.782	22.535.225	14.713.170
Đánh giá lại các tài sản không hiệu quả	2.547.220	-	12.570.597	-
Các khoản khác	527.978.219	124.196.025	694.609.643	177.205.334
<b>LỖ KHÁC</b>	<b>(555.231.858)</b>	<b>(6.676.739)</b>	<b>(771.283.029)</b>	<b>11.455.500</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế “TNDN”) bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Tập đoàn tại Lào, Campuchia, Myanmar và Thái Lan có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất tương ứng dựa trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn, giảm thuế TNDN theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của các công ty thuộc Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>9 tháng năm 2018</i>	<i>9 tháng năm 2017</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.413.335	39.952.796
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	39.490.456	(23.231.195)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.903.791</b>	<b>16.721.601</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.1 Thuế TNDN hiện hành**

	Ngân VND	
	9 tháng năm 2018	9 tháng năm 2017
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>519.770.551</b>	<b>1.045.848.536</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Các khoản lỗ của các công ty con	656.886.275	248.259.448
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	288.268.441	239.698.530
Chi phí trích trước chưa được khấu trừ	-	10.532.733
Biến động lợi nhuận nội bộ chịu thuế chưa thực hiện	(18.660.454)	11.395.366
Chênh lệch tỷ giá	94.893.075	(53.835.428)
Lãi trong công ty liên kết	(38.174.761)	(5.699.207)
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	94.308.237	8.951.976
Chi phí lãi vay đã được khấu trừ khi tính thuế nhưng được vốn hóa vào dự án khi hợp nhất	122.114.618	93.487.646
Lãi từ việc thanh lý công ty con	(563.629.007)	(877.068.607)
Dự phòng các khoản đầu tư	(144.420.325)	(33.202.483)
Lợi nhuận của các hoạt động thuộc diện miễn thuế	(976.376.886)	(340.099.566)
Thu nhập cổ tức	(10.457.823)	(224.964)
Các khoản khác	100.798.650	8.303.004
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>125.320.591</b>	<b>356.346.984</b>
Lỗ các năm trước chuyển sang	(87.733.971)	(70.764.396)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>17.251.910</b>	<b>285.582.588</b>
<b>Thu nhập chịu thuế của hoạt động Bất động sản</b>	<b>20.334.710</b>	<b>-</b>
<b>Thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>862.596</b>	<b>38.360.591</b>
<b>Thuế TNDN hiện hành của hoạt động Bất động sản</b>	<b>4.066.942</b>	<b>-</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu kỳ trước	(2.516.203)	1.592.205
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ</b>	<b>2.413.335</b>	<b>39.952.796</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	84.361.805	64.559.662
Điều chỉnh khác	(148.340)	(1.014.761)
Thuế TNDN được hoàn	(1.967.135)	(600.295)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(28.331.582)	(2.535.530)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>56.328.083</b>	<b>100.361.872</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối</i>		<i>Ngàn VND</i>
	<i>kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo</i>
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>			
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	91.860.673	105.125.055	13.264.382
	<b>91.860.673</b>	<b>105.125.055</b>	
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>			
Chi phí lãi vay vốn hoá ở cấp độ hợp nhất	204.601.819	207.259.809	(2.657.990)
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết, công ty con	134.153.998	105.269.934	28.884.064
Thu nhập từ bán tài sản cho thuế tài chính	-	24.411.774	
	<b>338.755.817</b>	<b>336.941.517</b>	
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>39.490.456</b>

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	351.385.997
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	239.932.675
		Mua hàng hóa và dịch vụ	123.858.406
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	109.683.955
		Cung cấp dịch vụ	158.377
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	27.129.367
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	16.154.864
		Bán hàng hóa	295.805
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	8.726.456
		Cung cấp dịch vụ	108.871
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	Lãi cho vay	8.113.830
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	5.514.405
		Cung cấp dịch vụ	91.391
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Lãi cho vay	1.576.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND Số tiền
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	99.884

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND Số dư
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</b>			
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	113.919.489
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	68.457.471
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Phải thu dịch vụ xây dựng	27.595.944
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.180.959
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Phải thu dịch vụ xây dựng	5.501.714
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	Phải thu dịch vụ xây dựng	2.930.604
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.010.461
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	760.803
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>222.357.445</u></b>

**Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)**

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	11.650.722
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	3.850.000
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	Ứng trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	1.506.540
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>17.007.262</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i></b>			
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	396.309.625
Ông Nguyễn Anh Hòa	Bên liên quan	Cho mượn	100.000.000
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Cho vay	93.000.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	82.726.796
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cho vay	72.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho vay	56.653.075
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Cho vay	34.714.752
Công ty Cổ phần Xây Lắp Điện	Công ty liên quan	Cho vay	5.815.216
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>841.219.464</u></b>
<b><i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</i></b>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	3.739.435.692
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Cho vay	1.938.853.360
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cho vay	196.731.115
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Cho vay	155.872.977
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	100.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cho vay	75.000.000
Cty Cổ phần Thương mại Xây Dựng Dịch Vụ Phúc Bảo Minh	Công ty liên quan	Cho vay	50.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho vay	22.895.432
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật Liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Cho vay	13.000.000
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	Cho vay	6.123.819
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt May	Công ty liên quan	Cho vay	5.590.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>6.303.502.395</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b>			
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn	200.852.876
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay Chi trả hộ	157.007.722 2.619.183
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Chi trả hộ	36.178.267 2.661.565
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	28.858.804
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	25.708.447
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	23.961.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Cho mượn	12.624.059
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Công ty liên quan	Cổ tức	10.457.823
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Khác	4.719.721 2.863.086
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	3.539.770
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>512.052.323</u></b>
<b><i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	53.446.058
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	27.440.987
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	22.184.989
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	16.697.222
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	15.231.250
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	7.671.139
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	6.133.333
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	452.357
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>149.257.335</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số dư</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17)</i></b>			
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	23.535.427
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	18.586.068
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Phí tư vấn	10.391.383
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật Liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.328.145
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	565.837
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>62.406.860</u></b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</i></b>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước hợp đồng xây dựng	<u>31.630.718</u>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 21)</i></b>			
Ông Trần Bá Dương	Bên liên quan	Mượn tạm	500.000.000
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Mượn tạm	426.900.000
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Bên liên quan	Mượn tạm	20.000.000
Ông Nguyễn Anh Hòa	Bên liên quan	Mượn tạm	10.842.000
Công Ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Mượn tạm	6.450.000
Ông Nguyễn Quyền	Bên liên quan	Cổ tức	2.469.400
Ông Hoàng Trọng Hưng	Bên liên quan	Cổ tức	2.469.400
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.034.954
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>971.165.754</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b><i>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 21)</i></b>			
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh	550.000.000
		Khác	2.034.000
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Hợp tác kinh doanh	300.000.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Hợp tác kinh doanh	285.000.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Công ty liên kết	Khác	7.666.626
Ông Nguyễn Anh Hòa	Bên liên quan	Khác	4.463.360
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	706.135
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.149.870.121</u></b>

**31. HỢP NHẤT KINH DOANH**

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc mua lại phần vốn góp, tương đương với 98% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Lợi Gia Lai ("HTLGL") từ các cổ đông hiện hữu. Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 2.477.146.000 ngàn VND. Theo đó, HTLGL đã trở thành Công ty con của Công ty vào ngày này.

HTLGL được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5901046432, do Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 12/10/2016 và sáu (6) Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của HTLGL là chăn nuôi trâu, bò, dê, cừu; trồng cây hàng năm; trồng cây lấy quả chứa dầu; trồng cây ăn trái, cà phê, hồ tiêu, ngô, đậu và các cây lương thực khác; chế biến và bảo quản thịt, các sản phẩm từ thịt và rau quả.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, HTLGL đang nắm giữ 100% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("DT"), một công ty hoạt động ở Lào, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Lào theo Giấy Chứng nhận vĩnh viễn số 026-16/TT.CPS cấp ngày 19 tháng 12 năm 2016. Hoạt động kinh doanh chính của DT trong năm hiện tại là trồng và chăm sóc 1.625 ha vườn cây ăn trái tại Tỉnh Chămpa Sak, Lào.

Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của HTLGL. Do đó, Công ty áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất công ty này. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của HTLGL tại ngày mua được trình bày dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**31. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)**

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Giá trị hợp lý được xác định tạm thời ghi nhận tại ngày mua</i>
<b>Tài sản</b>	
Tiền	1.306.682
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.295.407.353
Hàng tồn kho	24.478.895
Tài sản ngắn hạn khác	54.217
Tài sản cố định hữu hình – Giá trị thuần	491.079.463
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	237.519.659
Tài sản dài hạn khác	435.720.972
<b>Nợ phải trả</b>	
Nợ phải trả khác	(818.838.629)
Vay	233.695.438
	<b>1.052.534.067</b>
<b>Tổng tài sản thuần</b>	<b>1.432.978.957</b>
Phần tài sản thuần thuộc các cổ đông không kiểm soát	28.659.579
Phần tài sản thuần đã mua	1.404.319.378
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	1.072.826.622
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán bằng bù trừ công nợ</b>	<b>2.477.146.000</b>

**32. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

**32.1 Điều chỉnh lại dữ liệu**

**Thanh lý nhóm công ty mía đường**

Trong kỳ, Tập đoàn đã điều chỉnh lại một số dữ liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 liên quan đến ảnh hưởng của nghiệp vụ chuyển nhượng 100% tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu cho bên thứ ba vào ngày 22 tháng 5 năm 2017.

**Ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản dài hạn**

Trong kỳ 9 tháng năm 2017, Ban Giám đốc Tập đoàn đã tiến hành điều chỉnh doanh thu và giá vốn đối với một số hợp đồng thuê tài sản dài hạn tại khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar do thay đổi chính sách kế toán từ ghi nhận phân bổ đều trong suốt thời gian thuê (trong các năm trước) sang ghi nhận doanh thu theo toàn bộ giá trị hợp đồng thuê, phù hợp theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC. Chi tiết thông tin trình bày lại như sau:

*Ngàn VND*

<i>9 tháng năm 2017 (đã trình bày trước đây)</i>	<i>Điều chỉnh và 9 tháng năm 2017 phân loại lại (đã trình bày lại)</i>
--	--

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.998.263.702	(262.746.497)	3.735.517.205
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.998.251.847	(262.734.642)	3.735.517.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2018

**32. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)**

**32.1 Điều chỉnh lại dữ liệu (tiếp theo)**

	Ngàn VND		
	9 tháng năm 2017 (Đã trình bày trước đây)	Điều chỉnh và phân loại lại	9 tháng năm 2017 (Đã trình bày lại)
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)</b>			
Giá vốn hàng bán	(2.733.934.243)	260.042.047	(2.473.892.196)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.264.317.604	(2.692.595)	1.261.625.009
Doanh thu hoạt động tài chính	1.609.069.930	(143.548.712)	1.465.521.218
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.180.634.345	(146.241.309)	1.034.393.036
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.192.089.845	(146.241.309)	1.045.848.536
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24.714.809	(1.483.614)	23.231.195
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.176.851.858	(147.724.923)	1.029.126.935
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	781.334.672	(93.923.072)	687.411.600
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	395.517.186	(53.801.851)	341.715.335

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các khoản dự phòng	(119.374.006)	(52.212.536)	(171.586.542)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.608.893.051)	143.548.713	(1.465.344.338)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	368.893.952	308.977	369.202.929
(Tăng) giảm hàng tồn kho	(209.801.440)	58.755.248	(151.046.192)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	600.675.799	107.662.375	708.338.174
(Tăng) giảm chi phí trả trước	(317.383.025)	7.874.248	(309.508.777)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.219.136.197)	(111.904.504)	(2.331.040.701)

**32.2 Phân loại lại số dư đầu kỳ**

Trong kỳ, Tập đoàn đã phân loại lại Chi phí lãi vay phải trả từ khoản mục Phải trả ngắn hạn khác sang khoản mục Chi phí phải trả ngắn hạn và từ khoản mục Phải trả dài hạn khác sang khoản mục Chi phí phải trả dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Theo đó, số liệu so sánh đầu năm cũng được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý III năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	Ngàn VND		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (trình bày lại)
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.231.386.531	397.103.920	1.628.490.451
Phải trả ngắn hạn khác	3.755.607.293	(397.103.920)	3.358.503.373
Chi phí phải trả dài hạn	987.071.192	332.106.423	1.319.177.615
Phải trả dài hạn khác	1.269.645.155	(332.106.423)	937.538.732
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.595.954.762	(431.809.106)	3.164.145.656
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13.984.482	300.140.104	314.124.586
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	131.669.002	131.669.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2018

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập

Ngày 30 tháng 10 năm 2018



Lê Trương Y Trâm  
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

